

Công ty TNHH Một Thành Viên
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

**DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND
MANAGEMENT COMPANY
LIMITED**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Socialist Republic Of Vietnam
Independence – Freedom – Happiness*

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, Mar 20, 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2025

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT ACTIVITIES YEAR 2025

(According to Appendix XXV attached to Circular No. 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: State Securities Commission

I. Thông tin về quỹ

Fund Information

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

Fund Name and Type:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN**
- *Fund Name: DFVN Capital Appreciation Fund*
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-CAF**”
- *Abbreviation: "the Fund" or "DFVN-CAF"*
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- *Fund Type: Open-ended fund*

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Investment Objectives:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức

tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

The DFFVN-CAF aims to grow the capital and assets of investors, striving to outperform the growth of the Vietnam Stock Market (VN-Index) in the long term by primarily investing in listed stocks on the Vietnam Stock Market.

3. Thời hạn hoạt động: thời hạn hoạt động của quỹ không xác định

Duration: The fund has an indefinite duration.

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

Benchmark Portfolio: Not applicable.

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Profit Distribution Policy:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

As stated in the Prospectus, the Fund primarily invests in stocks with the main objective of capital growth in the medium and long term; therefore, it has limitations in dividend distribution. Profit distribution (if any) will be based on the audited financial statements of the Fund within the legal framework, as proposed by the Fund Management Company, approved by the Fund Representative Board, and passed by the General Meeting of Investors.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

Profit distribution principles include:

- Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;

Profits distributed to investors are derived from current period profits or accumulated profits after the Fund has fulfilled all tax and financial obligations as per the law.

- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

The profit distribution rate must comply with the Fund's profit distribution policy as stipulated in the Fund's Charter and approved by the General Meeting of Investors.

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

After distribution, the Fund must ensure sufficient capital to pay off due debts and other liabilities, and the Net Asset Value (NAV) of the Fund after profit distribution must not be less than VND 50 billion.

- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

In case of profit distribution in Fund Units, the Fund must have sufficient corresponding capital from undistributed post-tax profits based on the latest audited or reviewed financial statements.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Profit distribution can be in cash or Fund Units. Distribution in Fund Units must be pre-approved by the General Meeting of Investors or the Fund Representative Board (if authorized by the latest General Meeting of Investors). Only investors listed as owning Fund Units on the record date are entitled to receive dividends from the Fund.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

The Fund Management Company must deduct all taxes, fees, and charges as per the law before distributing profits to investors.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

The Fund Management Company may distribute assets of the Fund to investors more than the realized profits, but the NAV of the Fund after distribution must not be less than VND 50 billion. The implementation plan, timeline, scale of asset distribution, and capital source must be approved by the General Meeting of Investors.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2025: 10.088.907,29 đơn vị quỹ

Number of Fund Units in Circulation as of Dec 31, 2025: 10,088,907.29 unit

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Changes in the Fund Charter during the Reporting Period:

Điều lệ Quỹ DFVN-CAF sửa đổi, bổ sung lần thứ 4 đã được Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 của Quỹ DFVN-CAF thông qua vào ngày 24/04/2025.

The 4th amended and supplemented Charter of DFVN-CAF was approved at the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2024 of DFVN-CAF on April 24, 2025.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ được trình bày tại Phụ lục Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 Quỹ DFVN-CAF đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn truy cập tin công bố thông tin như sau: <https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/1762>

Details of the amendments to the Fund Charter are presented in the Appendix attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2024 of DFVN-CAF, which is published on the Company's website at the following information disclosure link: <https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/1762>.

Trong đó, nội dung sửa đổi Điều lệ Quỹ liên quan đến việc cập nhật văn bản pháp lý; bổ sung quy định, cơ chế thực hiện khi tăng tần suất giao dịch; điều chỉnh giới hạn mức tối đa của Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát; chuẩn hóa các quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và nội dung khác.

The amendments to the Fund Charter include updates to reflect new legal documents; supplementation of provisions and implementation mechanisms related to increased trading frequency; adjustment of the maximum cap for Custody and Supervisory Service Prices; standardization of the Charter provisions in accordance with prevailing laws; and other related updates.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Resolutions of the General Meeting of Investors during the Reporting Period:

Vào ngày 24/04/2025, Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 Quỹ DFVN-CAF đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

On April 24, 2025, the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2024 of DFVN-CAF approved the following contents:

- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;
Approve the 2024 audited Financial Statements of the DFVN-CAF;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF năm 2025:
Approve the 2025 budget plan for the operation of the Fund Representative Board of the DFVN-CAF:
 - ✓ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/ tháng/ người.
Approve the remuneration of the Fund Representative Board of VND 5,000,000 /month/person;
 - ✓ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF trong năm 2025 là: 180.000.000 VNĐ.
Approve the total of 2025 remuneration of the members of the Fund Representative Board of the DFVN-CAF is: VND 180,000,000.
- Thông qua các nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ ;
Approve the authorization of the Fund Representative Board;
 - ✓ Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn một (01) Công ty Kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Năm tài chính 2025 của Quỹ DFVN-CAF
Approve the authorization of the Fund Representative Board to select one (01) audit company to perform auditing for the DFVN-CAF in Fiscal year of 2025;

- ✓ Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm

Approve the authorization of the Fund Representative Board to decide the price of the fund management service to be paid to the Fund Management Company:

- ❖ Ban Đại diện Quỹ được quyết định thay đổi (tăng, giảm) mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ nhưng không được vượt quá mức $1,5\% * NAV / \text{năm}$ như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-CAF (Điều 61.1).

*The Fund Representative Board shall decide to change (increase, decrease) the price of the Fund Management Service but not exceed $1.5\% * NAV / \text{year}$ as stipulated in the DFVN-CAF's Fund Charter (Article 61.1);*

- ❖ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định được Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin theo quy định, phù hợp với nội dung được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện .

The specific price of the Fund Management Service decided by the Fund Representative Board is disclosed by the Fund Management Company according to regulations, in accordance with the content specified in the Prospectus for application and implementation;

- ❖ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ .

The application period of the price of the Fund Management Service will be considered by the Fund Representative Board on the basis of working with the Fund Management Company or the Fund Management Company's proposal;

- ❖ Ban Đại diện Quỹ được tối đa hai (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.

The Fund Representative Board is entitled to a maximum of two (02) times to decide on the price of the Fund Management Service during the period from the effective date of this Resolution until the next Resolution of the General Investors Meeting takes effect.

- ✓ Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức giá dịch vụ trả cho Ngân hàng Giám sát

Approve the authorization of the Fund Representative Board to decide the price of the service to be paid to Supervisory Bank.

- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-CAF.
Approve amendments, supplement of the DFVN-CAF Charter.

9. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-CAF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Comments from the Supervisory Bank ("SB") on Circular of Guiding the operation and management of securities investment funds: Net asset value of DFVN-CAF is determined in line with the Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations;

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

Fund Performance Report

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

Information on the Investment Portfolio and Net Asset Value of the Fund:

- Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

DFVN-CAF Portfolio Structure:

Cơ cấu tài sản quỹ <i>Asset Structure</i>	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)
1. Cổ phiếu niêm yết <i>Listed Stocks</i>	95,03	95,58	94,13
2. Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and Cash Equivalents</i>	3,51	3,92	5,32
3. Tài sản khác <i>Other Assets</i>	1,46	0,50	0,55
Cộng Total	100,00	100,00	100,00

- Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

Sector Allocation of Listed Stocks:

Ngành <i>Sector</i>	DFVN-CAF		
	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)
Tài chính <i>Finance</i>	35,3	38,7	39,57
Bất động sản <i>Real Estate</i>	3,3	3,9	7,61
Hàng tiêu dùng <i>Consumer Goods</i>	10,6	11,5	11,54
Bán lẻ <i>Retail</i>	11,6	7,6	3,20
Công nghiệp <i>Industry</i>	8,2	6,1	2,84
Công nghệ thông tin	6,0	13,3	12,35

<i>Information Technology</i>			
Vật liệu xây dựng <i>Building Materials</i>	14,8	14,2	17,86
Tiện ích <i>Utilities</i>	6,4	1,3	3,50
Năng lượng <i>Energy</i>	3,8	3,4	1,54
Tổng cộng Total	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Net Asset Value of the Fund:

Chỉ tiêu <i>Item</i>	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND) <i>Net Asset Value of the Fund (VND)</i>	177.989.062.900	134.335.029.090	161.351.154.608
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) <i>NAV per Fund Unit at the reporting date (VND/Unit)</i>	17.642,05	16.095,80	13.891,27
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) <i>Number of Fund Units in circulation (Unit)</i>	10.088.907,29	8.345.966,62	11.615.286,07
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ) <i>Highest NAV per Fund Unit during the period (VND/Unit)</i>	18.544,65	16.473,81	14.664,51
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ) <i>Lowest NAV per Fund Unit during the period (VND/Unit)</i>	14.280,03	13.890,48	12.298,45

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Total Fund Profit:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND) <i>Item (VND)</i>	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Tổng thu nhập của Quỹ Investment income	17.741.954.965	21.522.740.227	21.916.099.082

<i>Cổ tức được chia</i> <i>Dividend income</i>	3.302.118.000	2.899.198.600	3.464.292.400
<i>Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư</i> <i>Realized gain (losses) from disposal investments</i>	6.926.978.660	15.569.475.517	(3.001.885.934)
<i>Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện</i> <i>Unrealized gain (losses) from investment revaluation</i>	7.099.733.340	2.800.753.433	21.298.363.734
<i>Các khoản thu nhập khác</i> <i>Other income</i>	413.124.965	252.832.677	155.328.882
<i>Các khoản thu nhập khác về đầu tư</i> <i>Other investment income</i>	-	480.000	-
Tổng chi phí của Quỹ Total Fund Expenses	3.035.787.171	3.200.454.428	4.102.539.800
Tổng lợi nhuận của Quỹ Total Fund Profit	14.706.167.794	18.322.285.799	17.813.559.282

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

Profit Distribution per Fund Unit during the reporting period: The Fund did not distribute profits during the reporting period.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Operating Expense Ratio and Portfolio Turnover Rate:

CHỈ TIÊU <i>Item</i>	Year 2025 (%)	Year 2024 (%)	Year 2023 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Management expense over average NAV ratio</i>	0,96	1,07	1,50
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Custodian and supervising fee expense over average NAV ratio</i>	0,28	0,38	0,30
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ <i>Outsourcing service expenses over average NAV ratio</i>	0,18	0,22	0,19

Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Audit fee expense over average NAV ratio</i>	0,11	0,13	0,11
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Legal consultancy, OTC price quotation and other valid service fees; Board of Representatives' remuneration expense over average NAV ratio</i>	0,12	0,14	0,12
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Operating expense over average NAV ratio</i>	1,96	2,53	2,76
Tốc độ vòng quay danh mục <i>Portfolio turnover rate</i>	125,15	237,35	213,79

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo:
Không có

Information on Loans, Deferred Payments, Repo/Reverse Repo Transactions: None

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Fund Profit Indicators:

	Year 2025	Year 2024	Year 2023
Tổng lợi nhuận (VND) <i>Total profit (VND)</i>	14.706.167.794	18.322.285.799	17.813.559.282

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo: 8.421.118.790 (VND)

Average Annual Profit in 60 months (5 years) to reporting date: VND8,421,118,790

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Other Comparative Indicators:

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Kỳ kết thúc ngày 31/12 năm <i>Financial Year Ending Dec 31</i>		
	2025	2024	2023
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) <i>Fund scale at the beginning of the period (based on par value of fund certificate)</i>			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	83.459.666.200	116.152.860.700	107.979.312.000

<i>Total value of outstanding Fund Certificate at the beginning of period (VND)</i>			
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ) <i>Total number of outstanding Fund Certificate at the beginning of period (unit)</i>	8.345.966,62	11.615.286,07	10.797.931,20
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) <i>Change of Fund scale during the period (based on par value of fund certificate)</i>	-		
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ) <i>Number of Fund Certificates subscribed during the period (unit)</i>	5.507.491,98	5.969.135,27	2.105.828,97
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND) <i>Net subscription amount in period (based on par value) (VND)</i>	55.074.919.800	59.691.352.700	21.058.289.700
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ) <i>Number of Fund Certificates redeemed during the period (unit)</i>	-3.764.551,31	(9.238.454,72)	(1.288.474,10)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND) <i>Net redemption amount in period (based on par value) (VND)</i>	(37.645.513.100)	(92.384.547.200)	(12.884.741.000)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) <i>Fund scale at the end of the period (based on par value of fund unit)</i>			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND) <i>Total value of outstanding Fund Certificate at the end of the period (VND)</i>	100.889.072.900	83.459.666.200	116.152.860.700
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ) <i>Total number of outstanding Fund Certificate at the end of the period (unit)</i>	10.088.907,29	8.345.966,62	11.615.286,07

4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%) <i>Fund Management Company and related parties' ownership ratio at the end of the period (%)</i>	37,53	49,68	65,01
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%) <i>Top 10 investors' ownership ratio at the end of the period (%)</i>	47,89	54,22	67,33
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%) <i>Foreign investors' ownership ratio at the end of the period (%)</i>	32,12	42,35	60,27
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ <i>Number of investors of the Fund at the end of the period</i>	4.163	2.675	1.749
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND/CCQ) <i>Net asset value per Fund Certificate at the end of period (VND/unit)</i>	17.642,05	16.095,80	13.891,27

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

The method and principles for determining asset value and profit value are consistent, publicly disclosed, and verified by an independent organization. The asset valuation method is stipulated in the Valuation Handbook prepared by the Fund Management Company, approved by the Fund Representative Board, and reviewed by the Supervisory Bank.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

Data is provided by an independent organization: securities prices are provided by reputable, independent quotation service providers in the market.

4. Khuyến cáo:

Disclaimer:

Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

The information on the Fund's performance is for reference only and does not guarantee future profitability for investors.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Report on Asset Management Activities of the Fund Management Company

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

Explanation of Changes in the Fund Management Company: The Fund did not change its Fund Management Company during the reporting period.

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: *(thuyết minh này được trình bày tại báo cáo hàng năm của quỹ)*

Explanation of Whether the Fund Achieved its Investment Objectives: (This explanation is presented in the Fund's annual report.)

Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường và bắt đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt từ cuối năm 2020.

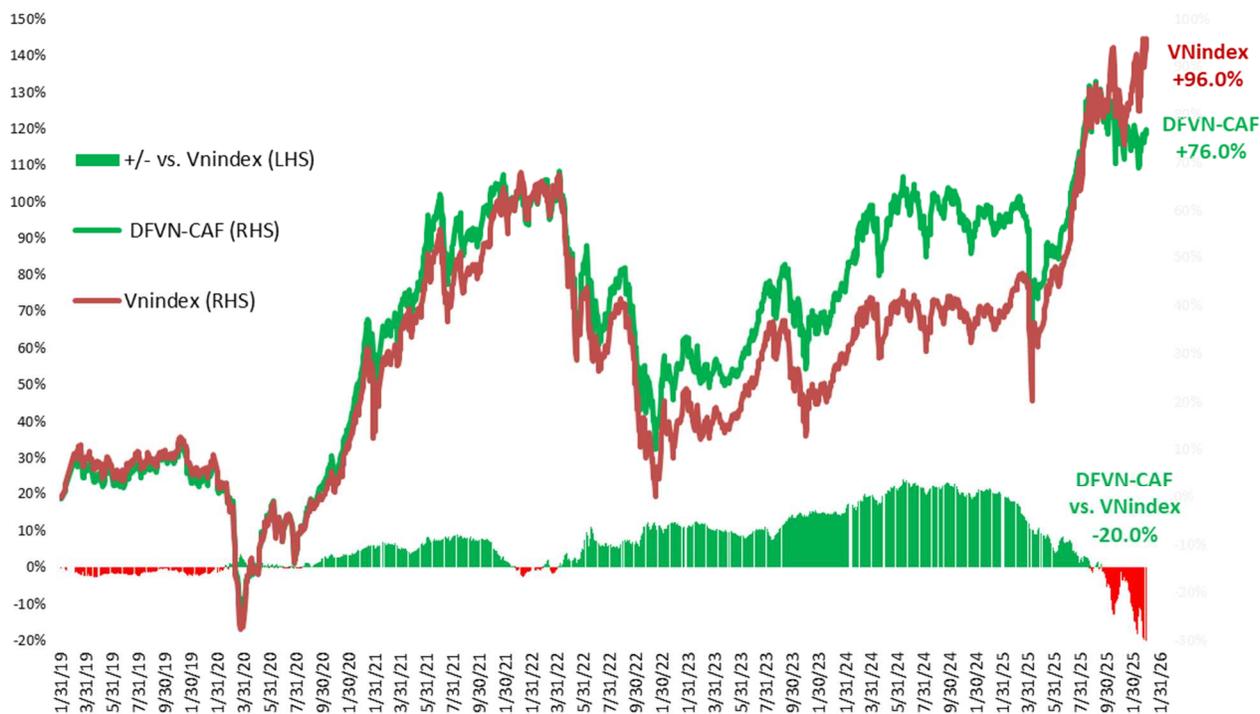
The Fund began disbursement on January 10, 2019, and completed disbursement by the end of January 2019. After the initial disbursement period, the Fund has kept pace with the market and has started achieving strong profit growth from end of 2020.

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc năm 2025 với VN-Index đóng cửa ở mức trên 1.784 điểm, tăng gần 41% so với cuối năm 2024, thuộc nhóm tăng trưởng tích cực trong khu vực, đặc biệt sau khi rủi ro chính sách thuế quan của Mỹ đối với Việt Nam đã hạ nhiệt. Mặc dù vậy thị trường tăng trưởng không đồng đều, chỉ số tăng chủ yếu do tập trung vào một vài nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn, phần lớn cổ phiếu có mức tăng khiêm tốn, thậm chí suy giảm trong năm 2025. Do đó Quỹ đã có mức tăng thấp hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ chủ yếu nắm giữ các mã cổ phiếu cơ bản dài hạn.

The Vietnamese stock market concluded 2025 with the VN-Index closing above 1,784 points, representing an increase of nearly 41% compared to the end of 2024. Based on the VN-Index performance alone, Vietnam was among the strongest-performing equity markets. Nevertheless, the market's growth was uneven. The VN-Index's gains were driven primarily by a narrow group of large-cap stocks, while the majority of listed stocks recorded only modest increases or even declines throughout 2025. Consequently, the Fund experienced lower growth than the VN-Index as its portfolio primarily consists of long-term fundamental stocks.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);

Comparison of the Fund's Profit Results with the Benchmark Portfolio, Base Index Published in the Prospectus for the Same Reporting Period (by Graph):



(Ghi chú: Biểu đồ tính từ ngày Quỹ hoàn tất giải ngân, ngày 31/01/2019)

(Note: The Fund completed disbursement from January 31, 2019)

31/12/2025	6 Tháng	9 Tháng	YTD 2025	2024	2023	2022	2021	2020	Từ lúc giải ngân (10/01/2019)
DFVN-CAF	11.30%	13.22%	9.61%	15.87%	12.94%	-25.10%	30.05%	20.98%	76.42%
VN-Index	29.68%	36.55%	40.87%	12.11%	12.20%	-32.78%	35.73%	14.87%	98.65%
So với VNIndex	-18.38%	-23.33%	-31.26%	3.76%	0.74%	7.68%	-5.68%	6.11%	-22.23%

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không áp dụng

Comparison of the Fund's Profit Results with the Benchmark Portfolio, Base Index Published in the Prospectus for the Last 5 Years up to the Reporting Date (by Graph): Not applicable

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. (Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ): *Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.*

Description of Investment Strategies and Tactics Used by the Fund during the Reporting Period: The Fund's investment strategy aligns with the strategy published in the Prospectus: The Fund invests in a diversified portfolio of large-cap listed stocks on the Vietnam Stock Market. Industry

and company selection is based on a value-oriented approach, fundamental analysis, and an assessment of market factors.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

Company selection criteria include:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
Leading companies in their business sectors
- Có tình trạng tài chính lành mạnh
Healthy financial status
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
Stable cash flow and good asset quality
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.
Reliable corporate governance system

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán.

The main investment focus of the DFVN-CAF is on listed stocks on the Stock Exchanges.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Description of Differences in the Fund's Investment Portfolio Structure at the Reporting Date Compared to the Previous Year's Portfolio:

Danh mục đầu tư của Quỹ tiếp tục kiên định với chính sách nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngân hàng, tiêu dùng, đầu tư công...; và chọn lọc các doanh nghiệp lớn có nền tảng tốt trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu đầu cơ, bất động sản nhằm đón đầu các thuận lợi trong giai đoạn tăng trưởng mới của nền kinh tế.

The Fund's investment portfolio remains committed to its policy of holding stocks in essential sectors such as banking, consumer goods, and public investment. It focuses on selecting large enterprises with strong fundamentals while significantly reducing its holdings in speculative and real estate stocks to capitalize on favorable conditions in the economy's new growth phase.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Analysis of the Fund's Performance Based on the Comparison of NAV per Fund Unit (after adjusting for distributed profits, if any) at this Reporting Period and the Previous Reporting Period:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31/12/2025 đạt 17.642,05 tăng 9.6% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2024. Mức tăng này phản ánh phục sự phục hồi của thị trường sau biến cố về chính sách thuế của Mỹ trong nửa đầu của năm 2025. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ nền kinh tế khá mạnh mẽ của Chính Phủ về đầu tư công, hỗ trợ thanh khoản cho thị trường thông

qua kênh OMO. Lãi suất thị trường phần lớn được duy trì ổn định, tín dụng của hệ thống Ngân hàng thương mại cũng tăng trưởng cao so với nhiều năm gần đây.

The NAV per Fund Unit as of December 31, 2025, reached VND 17,642.05 increased 9.6% compared to the NAV of December 31, 2024. This growth reflects the market's recovery following the U.S. tariff policy events in the first half of 2025. Additionally, the Government implemented robust economic support policies regarding public investment and market liquidity through the OMO (Open Market Operation) channel. Market interest rates remained largely stable, and credit growth within the commercial banking system reached its highest levels in recent years.

Tính chung cả năm 2025, Quỹ có mức tăng thấp hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ đã không nắm giữ các mã cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc một số hệ sinh thái các doanh nghiệp niêm yết, dựa trên đánh giá các yếu tố cơ bản về định giá không hấp dẫn, trong khi đó một số cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt có mức tăng thấp hơn kỳ vọng, thậm chí suy giảm trong năm 2025. Tuy nhiên với chính sách đầu tư an toàn và dài hạn, Quỹ tiếp tục kiên định không đầu tư các cổ phiếu mang tính chất đầu cơ ngắn hạn, thanh khoản thấp hoặc được đánh giá có rủi ro cao.

For the full year 2025, the Fund's growth was lower than the VN-Index because its portfolio did not include large-cap stocks from certain listed corporate ecosystems, based on assessments that their fundamental valuations were unattractive. Meanwhile, several stocks with strong fundamentals experienced lower-than-expected growth or even declined during 2025. However, with a safe and long-term investment policy, the Fund remains committed to avoiding short-term speculative stocks, those with low liquidity, or those assessed as high-risk.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).

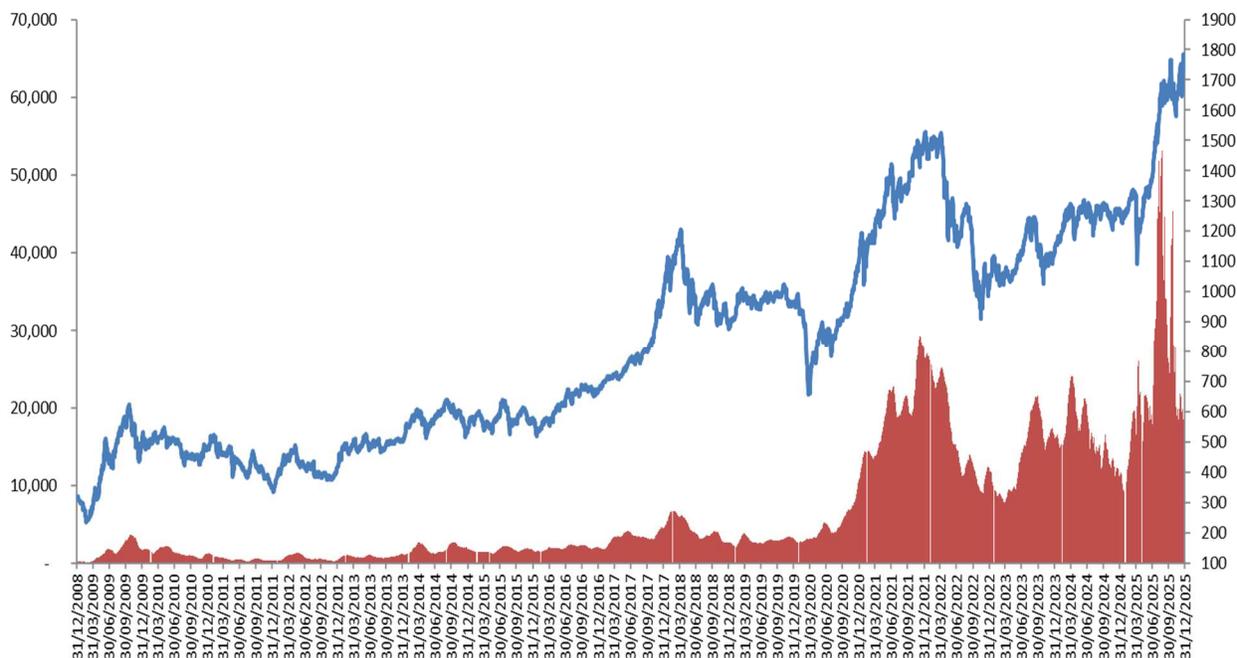
Assessment of Market Fluctuations during the Reporting Period, Including Foreign Markets, and Information on Investment Returns for Each Asset Type: Stocks, Blue-Chip Stocks, Small-Cap Stocks:

Quỹ tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

The Fund focused on investing in listed stocks on the Stock Exchanges, primarily in large-cap companies with high liquidity, leadership in their industries, competitive advantages, long-term growth potential, good governance, and strong financial capacity. The Fund also allocated a portion of its assets to listed companies with lower market capitalization and liquidity but attractive valuations and clear growth potential.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)

The chart below shows the VN-index trend (blue line) and trading value (red columns).



Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng gần 41% so với cuối năm 2024 và thuộc nhóm tăng trưởng tích cực trong trong khu vực. Thanh thanh khoản của thị trường đã cải thiện mạnh, giá trị giao dịch bình quân đạt 26.549 tỷ đồng/phiên trong năm 2025 tăng 42% so với mức 18.684 tỷ của năm 2024. Thị trường chứng khoán ngày càng trở thành một kênh đầu tư hấp dẫn, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân trong thời gian qua. Dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân vẫn tiếp tục là trụ cột khi xu hướng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài chưa chấm dứt.

The Vietnamese stock market increased by nearly 41% compared to the end of 2024, ranking among the top growth markets in the region. Market liquidity improved significantly, with the average transaction value reaching 26,549 billion VND per session in 2025, a 42% increase from the 18,684 billion VND recorded in 2024. The stock market has increasingly become an attractive investment channel, particularly for individual investors recently. Capital flow from individual investors remains the main pillar as the net selling trend of foreign investors has not yet ended.

Đánh giá trong dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn hội tụ nhiều động lực tăng trưởng mạnh mẽ nhờ sự đồng hành từ các chính sách hỗ trợ của cơ quan quản lý. Hiện nay, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước vẫn kiên trì mục tiêu duy trì chính sách tiền tệ nói lỏng cùng các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng nhằm tạo đà phục hồi kinh tế. Việc mở rộng chính sách tài khóa thông qua đẩy mạnh đầu tư công cũng đóng vai trò là động lực then chốt, kích thích các khu vực khác của nền kinh tế phát triển, từ đó mở ra kỳ vọng về việc phục hồi lợi nhuận doanh nghiệp và sức mua nội địa trong thời gian tới. Một điểm tựa quan trọng khác củng cố cho triển vọng này chính là lộ trình nâng hạng thị trường lên nhóm mới nổi. Việc FTSE Russell công bố Việt Nam đủ tiêu chuẩn nâng hạng vào đầu tháng 10/2025 – với các dấu mốc quan trọng như kỳ đánh giá sơ bộ vào tháng 3/2026 và dự kiến có hiệu lực chính thức vào tháng 9/2026 – được kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn ngoại quay trở lại và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững. Tổng hòa với sự điều hành vĩ mô linh hoạt, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được các tổ chức quốc tế đánh giá là điểm sáng trong khu vực nhờ tốc độ tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát tốt và dòng vốn FDI ổn định. Những yếu tố vĩ mô tích cực này, kết hợp cùng câu chuyện tăng trưởng đầu tư công vào cơ

sở hạ tầng, chính là nền tảng vững chắc để thị trường chứng khoán tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn.

From a long-term perspective, the Vietnamese stock market continues to converge with powerful growth drivers thanks to the support of regulatory policies. Currently, the Government and the State Bank remain committed to maintaining accommodative monetary policies and measures to promote credit growth to create momentum for economic recovery. The expansion of fiscal policy through increased public investment also acts as a key driver, stimulating other sectors of the economy and opening up expectations for a recovery in corporate profits and domestic purchasing power in the coming period. Another important anchor reinforcing this outlook is the roadmap for upgrading the market to emerging status. FTSE Russell's announcement in early October 2025 that Vietnam met the criteria for an upgrade—with key milestones such as the interim review in March 2026 and expected official implementation in September 2026—is anticipated to attract foreign capital back to the market and set the stage for sustainable development. Combined with flexible macroeconomic management, the Vietnamese economy continues to be recognized by international organizations as a bright spot in the region due to high GDP growth, well-controlled inflation, and stable FDI inflows. These positive macroeconomic factors, coupled with the growth story of public investment in infrastructure, provide a solid foundation for the stock market to continue its recovery and growth in the long term

Bên cạnh đó thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được cho định giá hấp dẫn hơn so với các thị trường khác trong khu vực. Sức hút này không chỉ đến từ các chỉ số tài chính cơ bản mà còn từ tiềm năng gỡ bỏ rào cản sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, nỗ lực thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp và triển vọng thu hút các dòng vốn ngoại quy mô lớn sau khi nâng hạng. Mặc dù vậy, nhà đầu tư vẫn cần duy trì sự thận trọng trước những rủi ro cả trong và ngoài nước. Các yếu tố tác động từ bên ngoài như biến động tỷ giá, xung đột thương mại và những sự kiện địa chính trị bất ngờ luôn tiềm ẩn khả năng gây nhiễu loạn đà tăng trưởng. Đối với các yếu tố trong nước, mức độ phục hồi của cầu tiêu dùng trong nước cùng tiến độ giải ngân đầu tư công thực tế trong những năm tới là những biến số quan trọng cần được theo dõi chặt chẽ. Tuy nhiên đánh giá tổng quan, chúng tôi tin tưởng rằng với nền tảng nội lực vững vàng, thị trường chứng khoán Việt Nam trong dài hạn vẫn sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực và bền vững.

Additionally, the Vietnamese stock market is still considered to have a more attractive valuation compared to other markets in the region. This appeal stems not only from fundamental financial indicators but also from the potential removal of foreign ownership barriers, efforts to promote corporate privatization, and the outlook for attracting large-scale foreign capital inflows following the market upgrade. Nevertheless, investors should maintain caution regarding both domestic and international risks. External factors such as exchange rate fluctuations, trade conflicts, and unexpected geopolitical events always carry the potential to disrupt growth momentum. Regarding domestic factors, the recovery level of local consumer demand and the actual progress of public investment disbursement in the coming years are critical variables that need to be closely monitored. Overall, however, we believe that with a solid internal foundation, the Vietnamese stock market will continue to maintain positive and sustainable growth momentum in the long term.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

Information on Fund Unit Splits during the Period (if any); Impact of Fund Unit Splits on NAV per Fund Unit (before and after the split): The Fund did not conduct any unit splits or consolidations during the period.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.

Cases Affecting the Rights of Fund Unit Holders: The rights of Fund Unit holders are as stipulated in the Fund Charter and Prospectus.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

Information on Transactions with Related Parties: The Fund did not conduct any investment or asset transactions between the Fund and the Fund Management Company and related parties, except for transactions of Fund Units by internal persons and related parties of internal persons (these transactions are disclosed and reported according to the legal regulation on information disclosure in the securities market), and expenses in accordance with the Fund Charter and Prospectus.

m) Các thông tin khác (nếu có): không có

Other Information (if any): None

VI. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025:

Report on operations of the Supervisory bank for the Period from Jan 01, 2025 to Dec 31, 2025:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có thay đổi ngân hàng giám sát trong kỳ báo cáo.

Explanations about the replacement of the supervisory bank (if any): There was no change in the supervisory bank during the period.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Tài sản của quỹ được lưu ký tại ngân hàng lưu ký giám sát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Depository of assets of the fund: The assets of the fund are deposited at the custody and supervisory bank in accordance with current legal regulations.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch; ngoại trừ tại kỳ xác định giá trị tài sản ròng ngày 25/02/2025, Quỹ có phát sinh sai lệch hạn chế đầu tư về tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong tổng giá trị tài sản của Quỹ vượt hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1, g, điều 9 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 35 của Thông tư 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”): “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn

mười phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ". Sai lệch này được xác định là do việc thực hiện các khoản thanh toán hợp lệ của Quỹ.

Tại kỳ tính giá trị tài sản ròng phát sinh sai lệch, chúng tôi đã gửi thông báo đến CTQLQ và đề nghị CTQLQ điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ theo đúng thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98. Theo ghi nhận của NHGS, sai lệch này đã được CTQLQ khắc phục vào kỳ xác định giá trị tài sản ròng ngày 28/02/2025 đúng thời hạn quy định.

Compliance with investment limits and loan limits as prescribed by law, charter of the fund and prospectus: Fund Management Company has complied with investment restrictions, lending and borrowing restrictions of the Fund in accordance with prevailing regulations, the Fund's Charter, Fund's prospectus; except that as at the net asset value determination date of 25 February 2025, the Fund recorded a deviation on investment restriction regarding the investment ratio of value of major investments in the fund's investment portfolio was exceeded the maximum limit of 40% of the Fund's total asset that stated in item 1.g, clause 9 of Fund Charter and item 4.e of the clause 35 of Circular No. 98/2020/TT-BTC ("Circular 98"): "Total value of major investments in the fund's investment portfolio are not exceed 40% of total value of its assets".

The deviation was caused by proceed valid payments of the Fund. At the time that the deviations occurred, we notified DFVN and requested them rectifying the investment deviation to comply with the Fund Charter and Circular 98. This deviation was rectified on the net asset value determination date 28/02/2025 within the deadline.

d) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-CAF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

Net asset value of DFVN-CAF is determined in line with the Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations;

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Offering of additional fund certificates and redemption of fund certificates as prescribed by law, Fund's Charter and Prospectus: Subscription and redemption of Fund units are in accordance with Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

Distribution of profits of the fund: fund has not distributed profits in this reporting period.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Report on Delegated Activities

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2025:

Fee Payable to Delegated Parties Compared to Profit, Income, and Total Operating Expenses of the Fund for the ending Dec 31, 2025:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền <i>Fee Payable to Delegated Parties</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Percentage of Profit</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Percentage of Income</i>	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động <i>Percentage of Total Operating Expenses</i>
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở (%) <i>OEFS Fund Administration fee (%)</i>	0,99	0,82	4,78
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (%) <i>Transfer Agency fee (%)</i>	0,90	0,74	4,35

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

Asset Ownership Registration: Not applicable

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

Impact of Delegated Activities on Fund Profit and Risk Level: None

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): *Không có*

Total Costs of Delegated Activities Payable to Delegated Parties (if the delegated party provides multiple services to the fund management company): None

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

During the Fund's operation, the Company believes that the Fund Administration Services provided by HSBC Bank (Vietnam) Ltd., the Transfer Agency Services provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) continue to meet the requirements regarding internal control systems, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot site, and disaster recovery systems, ensuring that delegated services for the DFVN Capital Appreciation Fund (DFVN-CAF) are carried out smoothly, without affecting the investment activities of investors.

Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV

Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chief Executive Officer of Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited

Trần Châu Danh